

Mật Tạng Bộ 1 _ No.882 (Tr.412 _ Tr.416)

PHẬT NÓI KINH NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA
HIỆN CHỨNG TAM MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG
_ QUYỀN THỨ HAI MƯỜI HAI _

Hán dịch: Tây Thiên Dịch Kinh Tam Tạng_Triều Tán Đại Phu Thí Quang Lộc
Khanh_Truyền Pháp Đại Sư, Sa Môn được ban áo tía (kẻ bầy tôi là) nhóm THI HỘ
phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

NHẤT THIẾT NGHĨA THÀNH TỰU ĐẠI MẠN NOA LA
QUẢNG ĐẠI NGHI QUỶ
(Sarvārtha-siddhi-mahā-maṇḍala-vidhi-vistara)
PHẦN THỨ MƯỜI CHÍN _ CHI KHÁC

Bấy giờ, Thánh Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát từ **Bộ của mình** (Sva-kulam: Tụ Bộ) sinh ra xong, hết thấy tất cả Thắng Nguyên của tất cả nhóm Như Lai thấy đều viên mãn, nói **Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu Đại Mạn Noa La** (Sarvārtha-siddhi-mahā-maṇḍala) này. Tụng là:

_ Nay Ta thứ tự sẽ diễn nói

Đại Mạn Noa La thắng vô thượng (Mahā-maṇḍalam uttamam)

Tướng ấy giống như Kim Cương Giới

Đây tên **Nhất Thiết Nghĩa Thành Tựu** (Sarvārtha-siddhi)

_ Tướng Đàn: bốn phương và bốn cửa

Với bốn lầu gác đề trang nghiêm

Bốn dây giăng mắc, y Pháp Nghi

Ngọc, Anh Lạc, lụa rộng nghiêm sức

_ Mạn Noa La ấy: các phần góc

Với các cửa nẻo (môn hộ) chỗ hợp nhau

Lấp **báu Kim Cương** (Vajra-ratna) ở khoảng giữa

Ngoại Mạn Noa La (Bāhya-maṇḍalam), giăng thứ tự

_ Vị trí trong Đàn, y Pháp làm

Kim Cương (Vajra), **diệu bảo** (Su-ratna) tạo thành **cung** (Puram)

Tám cột thù thắng như Bản Nghi

Tùy Giáo, giăng mắc mà bày làm

_ **Năm Mạn Noa La** (Pañca-maṇḍala) thật nghiêm lệ

Mọi ánh sáng báu chiếu rực rỡ

Giáp vòng từ Ấn rồi vây quanh

Trong ấy, y Pháp an tượng Phật

Đại Minh của nhóm này là:

“**Ấn, một đà, la đát-na, hồng**”

ॐ व ३ र ३ ३

*)OM_ BUDDHA-RATNA HŪM

“**Ấn, phộc nhật-la, ma ni, hồng**”

ॐ व ३ म (म) ३

*)OM_ VAJRA-MANI HŪM

“Án, phộc nhật-la, la đát-năng, cô la, hồng”

ॐ वज्र रत्न कुल हूं

*)OM_VAJRA-RATNA-KULA HŪM

(Bản khác ghi nhận là: Om_vajra ratnānkura hūm)

“Án, phộc nhật-la, la đát-năng, bát nột-ma, hồng”

ॐ वज्र रत्न पद्म हूं

*)OM_VAJRA-RATNA-PADMA HŪM

“Án, phộc nhật-la, la đát-năng, phộc lý-sa, hồng”

ॐ वज्र रत्न वरुण हूं

*)OM_VAJRA-RATNA-VARṢA HŪM

Bước Kim Cương (Vajra-vega) rời Đông, dân bày

Thành Nhất Thiết Nguyện Mạn Noa La (Sarvāsā-siddhi-maṇḍalam)

Trong ấy nên vẽ Kim Cương Tạng (Vajra-garbham)

Tướng Bảo Thí Nguyện (Ratna-vara-pradam), nên như Giáo

Tôn ấy, các phần vị giáp vòng

Vẽ các Án báu (Ratna-mudrā) đều vòng khắp

Với vẽ Đại Sĩ (Mahā-sattva) y Bản Nghi

Tùy Giáo đã nói như thứ tự

Đại Minh của nhóm này là:

“Án, tát lý-phộc lật-tha, tát đề, bát-la nại, hồng”

ॐ सत्त्व (सर्वि प्रदा हूं

*)OM_SARVĀRTHA SIDDHI PRADA HŪM

“Án, phộc nhật-la, ma ni, tức hận-na ca xá, nga lý-bà (1) bà nga tông, tát đình-dạ, tát đình-dạ, hồng (2)”

ॐ वज्रमणि (सर्व सिद्धिदा नारायणं (सुसु हूं

*)OM_VAJRA-MANI-CIḤNA ĀKĀŚA-GARBHA_BHAGAVAM SIDHYA SIDHYA HŪM

“Án, la đát-năng, cô xá cát lý-sa dā (1) tát lý-phộc lật-thang, a na dā, thi kiệt-lâm (2) tát lý-phộc đát tha nga đa, tát đa, ma nậu tam-ma la, hồng (3)”

ॐ रत्नकुलधर सत्त्वस्यै नमो नारायणाय सर्वसिद्धिदाय हूं

*)OM_RATNĀMKUŚĀKARṢAYA_SARVĀRTHAM ĀNAYA ŚĪGHRAM_SARVA-TATHĀGATA-SATYAM ANUSMARA HŪM

“Án, ma ni, la nga, phộc thi, cô lỗ (1) tát lý-phộc lật-thang, a na dā, a ca xá, nga lý-bà, hồng (2)”

ॐ मणि रत्न कुल सत्त्वस्यै नमो नारायणाय हूं

*)OM_MANI-RĀGA VAŚĪ KURU_SARVĀRTHAM ĀNAYA ĀKĀŚA-GARBHA HŪM

“Án, la đát-năng, mục sắt-trí, hồng”

ॐ रत्न हूं

*)OM_ RATNA-MUṢṬI HŪM
(Bản khác ghi nhận là: Om_ ratna-tuṣṭi hūm)

_ Dùng bước Kim Cương mà tiến dần
Nam: bày **Bảo Mạn Noa La** (Ratna-mālasya-maṇḍalam: Bảo Man Mạn Noa La)
Trong ấy, y Pháp nên vẽ chính

Chấp Trì Tối Thượng Bảo Man Tôn (Ratna-mālā-dharam param)

Tôn đó, các phần vị giáp vòng

Như Giáo đã nói, y thứ tự

Vẽ các Đại Sĩ đều trang nghiêm

Mỗi mỗi cầm báu làm Tiêu Xí

Đại Minh của nhóm này là:

“**Án, la đát-năng, một-lý sắt-trí, đát-la**”

ॐ र व वृ ष व

*)OM_ RATNA-VRṢṬI TRA

(Bản khác ghi nhận là: Om_ ratna-dṛṣṭi Traḥ)

“**Án, tát lý-phộc đát tha nga đa (1) bì thi ca, la đát-na, ma la, hồng (2)**”

ॐ म ह ग व ग न र व क र व म ह ॐ

*)OM_ SARVA-TATHĀGATA- ABHIṢEKA RATNA-MĀLĀ HŪM

“**Án, ma ni, tô lý-dã, hồng**”

ॐ म न म सु ज ॐ

*)OM_ MANI-SŪRYA HŪM

“**Án, tiến đà ma ni, đặc-phộc nhạ (1) tát lý-phộc xá, ba lý bồ la cát (2) a ca xá, nga lý-bà, hồng (3)**”

ॐ व ग म न म सु र म ह र व र व र व र व र ॐ

*)OM_ CINTĀMAṆI-DHVAJA _ SARVĀŚĀ PARIPŪRAKA ĀKĀŚA-GARBHA HŪM

“**Án, la đát-năng, tra, hạ sa (1) hát sa, hát sa, hồng (2)**”

ॐ र व ह न म न म न म ॐ

*)OM_ RATNA-AṬṬA-HĀSA _ HASA HASA HŪM

_ Dùng bước Kim Cương mà bày dần

Diệu Bảo Liên Hoa Mạn Noa La (Su-ratna-padma-maṇḍala)

Trong ấy, y Pháp nên vẽ khắp

Chấp Trì Diệu Bảo Liên Hoa Tôn (Su-ratna-padma-dharam vibhum)

Tôn ấy, các phần vị giáp vòng

Vẽ các Đại Sĩ đều trang nghiêm

Cầm **Bảo Tiêu Xí** (Maṇi-cihnām) tùy Bản Nghi

Như đã nói ấy, y thứ tự

Đại Minh của nhóm này là:

“**Án, la đát-năng, bát nột-ma, hồng**”

ॐ र व व म ॐ

*)OM_ RATNA-PADMA HŪM

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ maṇi-damṣṭrā karāla mahā-yakṣa hara hara sarvārthān bhīṣāpaya Hūm**)

“**Án, ma ni, la đát-na, mấn đà, tam ma dā, hông**”

ॐ म्मर व व म्मल हूं

*)OM_ MAṆI-RATNA-BANDHA SAMAYA HŪM

_Dùng bước Kim Cương mà tiến dần

Bày Mạn Noa La, các phân góc

Vẽ bốn Tôn nhóm **Bảo Hy Hý** (Ratna-lāsyā)

Như Giáo đã nói, y thứ tự

Đại Minh của nhóm này là:

“**Án, la đát-na, la để, hô**”

ॐ र व र (१ ङ)

*)OM_ RATNA-RATI _ HOH

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ ratna-rati hūm**)

“**Án, la đát-na, ma lê, hông**”

ॐ र व म्मल हूं

*)OM_ RATNA-MĀLE _ HŪM

“**Án, la đát-na, nghệ đế, hông**”

ॐ र व ग्ग हूं

*)OM_ RATNA-GĪTE _ HŪM

“**Án, la đát-na, niết-ly đế, hông**”

ॐ र व वृ ष हूं

*)OM_ RATNA-NRṬYE _ HŪM

_Dùng bước Kim Cương mà tiến dần

Bày **Ngoại Mạn Noa La** tối thắng

Ở bốn góc **Ngoại Mạn Noa La**

Vẽ bốn Tôn nhóm **Hương Cúng Dường** (Dhūpa-pūjā)

Đại Minh của nhóm này là:

“**Án, độ ba, la đát-nê**”

ॐ वृ व र व

*)OM_ DHŪPA RATNE

“**Án, bồ sát-ba, ma ni**”

ॐ वृ व म्म

*)OM_ PUṢPA MAṆI

“**Án, la đát-na, lộ kê**”

ॐ र व म्मल

*)OM_ RATNA-ĀLOKE

“**Án, ma ni, hiến đề**”

ॐ म्म व र व

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ Hūṃ maṇi-rāja-kulaṃ**)

_ Vào xong, bảo Đệ Tử rằng: “*Người chẳng nên đem Pháp bí mật này giao tiếp vì người nói. Không khiến người bị đọa vào Đại Địa Ngục, cho đến ở trong tất cả đời chịu khổ nghèo túng, chẳng được giải thoát*”

Nói lời đó xong, hiển bày **Tam Muội** (Samayaṃ). Lại vì kẻ ấy nói Pháp Môn **Đại Thừa Hiện Chứng Tam Muội** (mahā-yānābhisamayam). Sau đó **Bảo A Xà Lê** phát lời **Kim Cương** (Vajra-vācā) hướng lên hư không hỏi rằng: “*Chốn nào mới có **Phục Tàng rộng lớn** (Mahā-nidhi)? Làm sao có thể được?*”

Thời **Cụ Đức Hư Không Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát** (Bhagavān Ākāśa-garbha Bodhisattva mahāsattva) đều chỉ nói

Nói lời đó xong, liền cùng với Đệ Tử trừ bỏ tấm lụa che mặt, khiến quán nhìn khắp Đại Mạn Noa La.

_ Tiếp lại vì Đệ Tử nói **Nhất Thiết Như Lai Quán Đỉnh Tam Muội** (Sarva-tathāgatābhiṣeka-samayaṃ) cho đến cuối cùng thời Đức Thế Tôn Như Lai hiện trước mặt người ấy. Hành Nhân liền nên tùy theo sức cúng dường. Sau đó tất cả sự nghiệp đã làm đều được thành tựu.

Tiếp nên dạy truyền **Trí Ấn** (Jñāna-mudrā). Tụng là:

_ Hết thấy **Kim Cương Tạng Đại Ấn** (Vajra-garbha-mahā-mudrām)

Diệu Đăng Dẫn (Su-samāhita) Tâm y Pháp kết

Nếu ở **Phục Tàng** (Nidhānam), muốn đào thời

Tùy chôn liền sẽ thấy Phục Tàng

_ Nếu kết **Tối Thắng Tam Muội Ấn** (Samayāgrīṃ mudrām)

Tùy ở nơi có Phục Tàng ấy

Ấn ấy cùng hợp, ép phụ thời

Tự nhiên Phục Tàng ấy vọt lên

_ **Kim Cương Tạng Tôn Tam Ma Địa** (Vajra-garbha-samādhi)

Diệu Đăng Dẫn Tâm, nên quán tưởng

Tùy ý biết nơi có Phục Tàng

Chôn đó tức sẽ trụ Phục Tàng

_ Nếu kết **Yết Ma Sở Thành Ấn** (Karma-mayīm mudrām)

Trụ **Kim Cương Tạng Tam Ma Địa** (Vajra-garbha-samādhi)

Ấn ấy cảnh ngộ khắp cả thời

Tùy chỗ liền sẽ thấy Phục Tàng

Đại Minh của nhóm này là:

“**Án, ma hạ ma ni, la đát-na, vĩ xá, hồng**”

ॐ म ह म न इ व र त न ष ह

*)OM_ MAHĀ-MANI-RATNĀVIŚA HŪṂ

“**Án, ma ni, la đát-na, bẻ noa dā, nại lý-xá dā, hồng**”

ॐ म न इ व ची व र त न ष ह

*)OM_ MAṆI-RATNA PĪDAYA DARŚAYA HŪṂ

“**Án, la đát-na, tam ma đề, một-lỗ hứ**”

ॐ इ व म म त व ह

*)OM_ RATNA-SAMĀDHI BRŪHI

“**Án, la đát-na, phệ xá, nại lý-xá dã**”

ॐ रत्नविश्वं दारसाय

*)OM_ RATNĀVIŚĀ DARŚAYA

Đại Án (Mahā-mudrām) y Pháp mà cùng hợp

Án đó ở thân, làm ràng buộc

Tùy nơi đã có **Bảo Tàng** (Ratna-nidhānam) ấy

Nên biết tự Tam Muội đã hiện

Nếu kết **Tối Thắng Tam Muội Án** (Samayāgrīṃ mudrām)

Nên làm cảnh ngộ, mở bày rõ

Tùy nơi đã có Phục Tàng ấy

Đại Bảo Trang Nghiêm (Mahā-ratna-mayaṃ) thấy đều được

Nếu kết **Tam Ma Địa Án Khế** (samādhi-mudrām)

Tùy **cảnh ngộ** (Āviśya) xong, Trí tự nói

Do nói chôn kia có Phục Tàng

Đại Bảo Trang Nghiêm thấy đều được

Nếu kết **Yết Ma Đại Án Khế** (Karma-mahā-mudrām)

Do làm **Cảnh Ngộ** (Āviśya) **Tam Muội Pháp** (Samayaṃ)

Hai tay trợ nhau, làm **Phộc** (Bandha) thời

Tùy nơi Phục Tàng sẽ hiện ra

Đại Minh của nhóm này là:

“**Án, ma hạ la đát-na, ca dã, nại lý-xá dã, la đát-năng**”

ॐ मन्त्रं रत्नं यत्तु यत्तु रत्नं रत्नं

*)OM_ MAHĀ-RATNA-KĀYA DARŚAYA RATNA

“**Án, a ca xá, nga lý-bà, ma ni, la đát-na (1) tác-phổ tra, tác-phổ tra (2) đã đát-la, nễ đề (3)**”

ॐ मन्त्रं रत्नं यत्तु यत्तु यत्तु यत्तु

*)OM_ ĀKĀŚA-GARBHA MAṆI-RATNA _ SPHOṬA SPHOṬĀ YATRA NIDHI

(Bản khác ghi nhận là: **Om_ Ākāśa-garbha maṇi-ratna sphuṭa sphuṭa yatra nidhiḥ**)

“**Án, ma ni, la đát-na, nghe-dã na (1) toa dã, một-lỗ hứ (2)**”

ॐ मन्त्रं रत्नं यत्तु यत्तु यत्तु यत्तु

*)OM_ MAṆI-RATNA-JÑĀNA SVAYAM BRŪHI

“**Án, bố na, tam ma dã, mãn đà, nại lý-xá dã, toa**”

ॐ पूरुणं समया बन्धं दारसाय स्व

*)OM_ PŪRṆA-SAMAYA BANDHA DARŚAYA SVAH

Y Pháp, nếu kết ở **Đại Án** (Mahā-mudrām)

Tùy khởi Tâm nghi, được cũng thế

Do Trí như Tâm biết rõ thời

Chón đó, **Phục Tàng** (Nidhānam) tự nhiên có

Tùy khởi Tâm nghi ở chỗ nào

Liên kết **Thắng Tam Muội Án** (Samayāgrīṃ-mudrām) **Phộc** (Bandha: cột buộc)

Sau nên mở Ấn Phộc này thời
 Tùy chón liền có Phục Tàng hiện
Tam Ma Địa Ấn (Samādhi-mudrām) y Pháp kết
 Tùy chỗ khởi nghi, quyết định được
 Do Trí sinh ra biết rõ thời
 Tùy chón thường có bấu Phục Tàng
 _Chỗ nghi, nếu có Phục Tàng sinh
 Chón đó nên kết **Yết Ma Ấn** (Karma-mudrām)
 Như Giáo đã nói, kết Ấn thời
 Phục Tàng rõ ràng liền hiện ra.
Đại Minh của nhóm này là:
 “**Án, nễ đề, nghê-dã na, vĩ xá**”
 ॐ ऀ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 *)OM_NIDHI JÑĀNĀVISA

“**Án, la đát-na, tam ma dã, môn tả, nễ đề, mẫn đường**”
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 *)OM_RATNA-SAMAYA MUÑCA NIDHI BANDHAM

“**Án, đạt lý-ma, la đát-na, một-lỗ hứ, nễ đà năng**”
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 *)OM_DHARMA-RATNA BRŪHI NIDHĀNA

“**Án, tát lý-phộc cát lý-ma ni, tác-bổ tra dã (1) nại lý-xá dã, nễ đà na, mẫn độ
 đắc sát-ba (2)**”
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 *)OM_SARVA-KARMĀNI SPHOṬĀYA NIDHĀNA BANDHA-UTKṢIPA

Bản Bộ Đại Ấn nên cùng hợp
 Tùy đi tìm cầu các Phục Tàng
 Nếu nơi y Pháp, cảnh ngộ thời
 Chón đó liền có Phục Tàng hiện
Kết Thắng Tam Muội Ấn Khế ấy
 Tùy đi tìm cầu các Phục Tàng
 Nếu nơi, Ấn Khế bền chắc thời
 Chón đó liền có Phục Tàng hiện
Kết Tam Ma Địa Ấn Khế ấy
 Tùy đi tìm cầu các Phục Tàng
 Nếu nơi, Trí đã sinh ra thời
 Chón đó liền có Phục Tàng hiện
Kết Yết Ma Sở Thành Ấn ấy
 Tùy đi tìm cầu các Phục Tàng
 Nếu nơi, Yết Ma Ấn dao động
 Chón đó liền có Phục Tàng hiện
Đại Minh của nhóm này là:
 “**Án, ma hạ ma ni, la đát-na, ba lý xoa vĩ xá**”
 ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ ॐ
 *)OM_MAHĀ-MANI-RATNA PARĪKṢĀVISA

“Án, la dát-na, tam ma dā, nĩ-ly tranh, nại lý-xá dā”

ॐ र व म म य हृ ऋ र ह र

*)OM_ RATNA-SAMAYA DR̥DHO DARŚAYA

“Án, la dát-na, ba lý xoa, nghê-dā na, vĩ xá”

ॐ र व प र ङ ङ ञ ञ र

*)OM_ RATNA PARĪKṢĀ JÑĀNĀVIŚA

“Án, ma ni, cát lý-ma, bô-t-la ma dā”

ॐ म म ऋ म व ञ र

*)OM_ MAÑI-KARMA BRĀHMĀYA

Tiếp, nên dạy truyền **Bí Mật Án Trí** (Mañi-rahasya-mudrā-jñānam: Bảo Bí Mật
án Trí)

_ Hoa sen, chày Kim Cương cùng hợp

Tùy đi tìm cầu các Phục Tàng

Y Pháp quán tưởng Đại Án thời

Cảnh ngộ khắp cả được Phục Tàng

_ **Kết Thắng Tam Muội Án Khế** ấy

Bậc Thiện Ái yêu lại cũng thể

Nếu nơi, Án Khế bền chắc thành

Chón đó liền có Phục Tàng hiện

_ Hoa sen, chày Kim Cương cùng hợp

Tùy đi tìm cầu các Phục Tàng

Y Pháp quán tưởng Trí Án thời

Phục Tàng tùy thời sẽ chuyển hiện

_ Y Pháp kết **Yết Ma Án** ấy

Hoa sen, chày Kim Cương cùng hợp

Nếu nơi, Án ấy hô rõ thời

Chón đó liền có Phục Tàng hiện

Đại Minh của nhóm này là:

“Án, ma hạ ma ni, tam du nga vĩ xá”

ॐ म ङ म म सं द ञ र

*)OM_ MAHĀ-MANI SAṀ-YOGĀVIŚA

“Án, sa ma dā, tam du nga, nĩ-ly trừ, di bà phộc”

ॐ म म य सं द ञ र हृ ऋ म ऋ व

*)OM_ SAMAYA SAṀ-YOGA DR̥DHO MEBHAVA

“Án, nễ đề, nghê-dā na vĩ xá vĩ xá, tam du nga”

ॐ र व ङ ङ ञ ञ र सं द ञ र

*)OM_ NIDHI JÑĀNĀVIŚĀVIŚA _ SAṀ-YOGA

“Án, tát lý-phộc, cát lý-ma, tặc-bồ tra, tam du nga”

ॐ म ण ऋ म ञ र सं द ञ र

*)OM_ SARVA-KARMA SPHOṬA SAṀ-YOGA

_Sau đó, dạy truyền tất cả **Ấn Trí Pháp** (Mudrā-jñānam) trong **Đại Bảo Bộ** (Mahā-maṇi-kula). Ấy là trước tiên nói **Đại Ấn Trí Pháp** (Mahā-mudrā-jñānam) ấy
Trong khoảng **Diệu Nguyệt Mạn Noa La** (Su-candra-maṇḍala)
Nhu tướng đã vẽ, thuận tu tập
Y Pháp quán tưởng Đại Ấn thời
Các Thắng Nghĩa Lợi (Sarvārthottamaṃ) đều thành tựu

_Tiếp, nói hết thủy công dụng của tất cả Đại Ấn
Kết Phật Ấn (Buddha-mudrā) nên được thành Phật
Kim Cương Tạng Ấn (Vajra-garbha-mudrā) khéo thành tựu
Thắng Bảo Cầu Ấn (Ratnāmkuśāgrya-mudrā) hay triệu khắp
Bảo Ái Ấn (Maṇi-rāma-mudrā) ấy thường khéo yêu
Bảo Hoan Hỷ Ấn (Maṇi-pramoda-mudrā) thường vui vẻ
Do **Bảo Quán Thi** (Maṇi-dṛṣṭya) nhiếp tiền nhiều (đại tài)
Bảo Man Ấn (Maṇi-māla-mudrā) khéo làm Quán Đỉnh
Bảo Nhật Quang Ấn (Maṇi-sūrya-prabha-mudrā) ban uy quang
Bảo Tràng Ấn (Maṇi-dhvaja-mudrā) tùy chỗ muốn cho
Bảo Tiểu Ấn (Ratna-hāsa-mudrā) hay làm nghĩa lợi
Pháp Bảo Ấn (Dharma-ratna-mudrā) thường ban Diệu Pháp
Thắng Xả (Tyāgāgrī) sẽ được lợi tối thượng
Bảo Kiếm Ấn (Ratna-khaḍga-mudrā) làm khoái lợi lớn
Bảo Luân Ấn (Maṇi-cajra-mudrā) làm Tăng Thượng Chủ
Diệu Bảo Ngũ Ấn (Su-ratna-bhāṣa-mudrā) thành tựu Môn
Hay chuyển mưa báu (Ratna-vṛṣṭi) nhóm tiền lớn (đại tài tụ)
Bảo Cúng Đường Ấn (Maṇi-pūjā-mudrā) khéo cúng đường
Bảo Giáp Trụ Ấn (Ratna-varmā-mudrā) hộ bền chắc
Bảo Nha Ấn (Ratna-damṣṭrā-mudrā) lấy các tiền báu (bảo tài)
Bảo Quyền Ấn (Maṇi-muṣṭi-mudrā) làm các thành tựu

Tiếp, nói **Tam Muội Ấn Trí Pháp** (samayamudrājñānam) trong **Đại Mạn Noa La** (Mahā-maṇḍala)

_ **Kim Cương Bảo Sở Thành Ấn** (Vajra-ratna-mayī mudrā) ấy
Hay ban tất cả **Ấn Quán Đỉnh**
Kết Đại Kim Cương Bảo Ấn (Mahā-vajra-maṇim mudrām) thời
Việc **báu Kim Cương** (Vajra-ratnaṃ) đều thành tựu
_ Hai tay Kim Cương làm **Yết Ma**
Được tiền lớn (của) **Chấp Kim Cương Tôn** (Vajra-dhāra)
_ Tức đây, ngón cái như Kim Cương
An tim hay ban các trân bảo
_ Kín chặt ngón cái làm **Bảo Phộc**
Được Quán Tụ Tại Tôn cho tiền
_ Hai tay **Xảo Nghiệp Đại Bảo Tràng** (Mahā-viśva-karma-maṇi-dhvajaṃ)
Hay ban **báu Kim Cương Yết Ma** (Vajra-karma-maṇin)
_ Dựng hai ngón trở lại cong lưng
Kết hai ngón cái như Kim Cương
Đây tên **Kim Cương Giới Thắng Bảo** (Vajra-dhātvaḡra-maṇi)
Ấn đó được thành nơi **Phật Bảo** (Buddha-ratna)

Kim Cương Bảo Ân (Vajra-maṇi-mudrā) đây đã nói
Tức **Kim Cương Tạng Tôn Ân** (Vajra-garbha-mudrā) ấy
Ân đó y Pháp kết trung gian
Ây liền được **báu Đại Kim Cương** (Mahā-vajra-maṇim)
_ Hai tay **Bảo Kim Cương** (Ratna-vajraṃ) cùng hợp
Dụng hai ngón giữa, khởi như nanh (răng nanh)
Ân đó y Pháp kết trung gian
Đều được **Tự Tha Đại Quán Đỉnh**
_ Tức đây, ngón giữa, ngón vô danh
Ngón út kín chặt, y Pháp làm
Đây tên **Quán Tự Tại Tâm Ân** (Avalokiteśvara-hṛdaya-mudrā)
Ân đó hay ban các tài bảo
_ y Pháp Dụng của **Kim Cương Bảo** (Vajra-ratna)
Ngón trở, ngón cái với ngón út
Hai ngón giữa đều cùng hợp nhau
Dụng ngón vô danh, khởi như nanh (răng nanh)
_ Hai tay bèn làm Kim Cương Phộc
Co hai ngón trở như hình báu
Duỗi mặt ngón cái như Bản Nghi
An tim, hay ban các thành tựu
_ Hay tay Kim Cương Phộc cùng hợp
Hợp hai ngón giữa như hình báu
Ân này tên là **Bảo Tiêu Xí** (Maṇi-cihna)
Ây hay ban **báu Đại Ma Ni** (Mahā-maṇi-ratna)
_ Tức đây, lại làm **Câu Pháp** (Aṃkuśa) dụng
Co hai ngón trở rồi cùng hợp
Ân này câu triệu tất cả tiền
Ma Ni Bảo Câu (Maṇi-ratnāṃkuśī) cũng như vậy
_ Tức đây, lại làm thế Dũng Lực
Ngón trở phải nắm ngón trở trái
Như **tên** (Vāṇa: mũi tên) triệu bản, y Bản Nghi
Câu triệu việc Thế Gian kính yêu
_ Tức đây, lại làm thế **Thiện Tai** (Sādhu)
Ngón trở, ngón cái đều cùng hợp
Chẳng sửa ngón cái, lúc cùng hợp
Kèm đầu các ngón cũng như vậy
Lại hai ngón các trong **Nội Phộc**
Lại đem hai ngón trở như mắt (con mắt)
Ân này tên là **Bảo Quán Thệ** (Maṇi-dṛṣṭi)
Quán xong, hay gom các tài lợi
_ Tức đây, mặt ngón cái cùng hợp
Thành Ân ngang tim mà an trí
Đây tên **Chư Nghĩa Thành Tự Man** (Sarvārtha-siddhi-mālā)
Ân đó hay ban **Tự Quán Đỉnh** (Svābhiṣeka)
_ Hai tay, tướng **Bảo Quang** an tim
Ân đó hay ban **Đại Uy Quang** (Mahā-teja)
_ Dụng ngón vô danh an đỉnh đầu
Đây tên **Quảng Đại Thăng Tràng Ân** (Patākāgra-vistara-mudrāṃ)

_ Túc đây, lại làm tướng **Đại Tiểu** (Mahā-hāsa)
Y Pháp **Hy Hỷ** mà xoay chuyển
Ấn này tên là **Đại Bảo Tiểu** (Mahā-ratnātṭa-hāsa)
Tướng cười hay nhiếp các tài lợi
_ Các đầu ngón như tướng sen báu
Tam Ma Địa Pháp nhiếp tiền tài
_ Túc đây ngón trở trong **Nội Phộc**
Ấn này hay ban nhóm tiền lớn
_ Ngón cái ngang bằng hướng xuống dưới
Dụng hai ngón trở như hình báu
Bảo Kiếm Ấn (Maṇi-khḍga-mudrāṃ) này nhiếp tiền tài
Dũng phục Thế Gian đại khoái lợi
_ **Kết Kim Cương Phộc Tối Thượng Luân** (Vajra-bandhāgra-cakrā)
Ngang bằng ngón cái vào trong Phộc
Hai ngón trở lại như hình báu
Đây tên **Chuyển Luân Quảng Thí Ấn**
_ Túc đây, mặt các ngón hợp nhau
Ấn đó ngang bằng rồi dựng đứng
Ấy cùng hợp nên **Ngũ Ấn** (Vācā-mudrāṃ) thành
Y Tụ Giáo, nhiếp các tài lợi
_ **Đại Kim Cương Bảo Ấn** (Mahā-vajra-maṇi-mudrā) nên kết
Ấn đó hay **tuôn mưa các báu** (Ratna-varṣa)
Các ngón y Pháp tách bung thời
Bốn phương mưa khắp các tài bảo
_ **Đại Kim Cương Bảo Ấn** nên kết
Đỉnh đầu nên làm tướng xoay múa
Như Giáo đã nói, cúng dường thời
Đem các trân bảo cúng dường khắp
_ **Kết Nhất Thiết Nghĩa Thành Tụ Ấn** (Sarvārtha-siddhi-mudrāṃ)
Y nơi **Pháp, Cảnh** mà hợp nhau
Đây nói nên là **Bảo Phộc Ấn** (Maṇi-bandha-mudrāṃ)
Đây tức **Giáp Trụ** (Kavaca) mà khéo hộ
_ Túc **Nhất Thiết Thành Tụ Ấn** (Sarva-siddha-mudrāṃ) này
Làm tướng ăn nuốt, an ở miệng
Đây nói **Bảo Nha** (Maṇi-damṣṭra) như Bản Nghi
Gây sợ hãi, nhiếp các tài lợi
_ Hay tay bên làm Kim Cương Quyền
Co hai ngón trở, y Pháp dụng
Năm hai ngón cái lại như cửa
Bảo Quyền Ấn (Maṇi-muṣṭi-mudrāṃ) này ban thành tựu
_ Các **Thắng Tam Muội Cúng Dường Ấn** (Pūjāgra-samaya-mudrāṃ)
Đều y Kim Cương Giới ấn Pháp
Như ấy đã nói Nghi **Bảo Pháp**
Thắng Tam Muội Ấn này phân biệt
_ Hai ngón giữa như tướng hình báu
Đây nên như khéo phân biệt ấy
Hết thầy Pháp Nghi của nhóm **Câu** (Amkuśa)
Tất cả Yết Ma đều thành tựu (Sarva-karma-prasādhikā)

_Tiếp lại tuyên nói các **Pháp Ấn Trí** (Dharma-mudrā-jñānam) của **Đại Bảo Bộ**
(Mahā-maṇi-kula)

Ấy là:

“**Đát-la**”

𑖇

*)TRA

(Bản khác ghi nhận là: **Traḥ**)

“**Ngật-la**”

𑖇

*)GRA

(Bản khác ghi nhận là: **Graḥ**)

“**Đê-lý**”

𑖇

*)TRI

(Bản khác ghi nhận là: **Triḥ**)

“**Hột-lý**”

𑖇

*)HRĪH

“**Thất-lý**”

𑖇

*)ŚRĪ

(Bản khác ghi nhận là: **Śriḥ Iḥ raḥ Haḥ Dhriḥ**)

“**Đê, cật-lý, phộc, trà**”

𑖇 𑖇 𑖇 𑖇

*)DHĪ KRĪ VĀ DHĀ

(Bản khác ghi nhận là: **Dhiḥ Kṛ Vā Ro Ḍhaḥ Ya Aḥ**)

Nay trong Bộ này, nên làm **Bảo Quyền** (Ratna-muṣṭi) dùng thành tất cả **Yết Ma**
Ấn Khế (Karma-mudrā)

PHẬT NÓI KINH NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA
HIỆN CHỨNG TAM MUỘI ĐẠI GIÁO VƯƠNG
QUYỀN THỨ HAI MƯƠI HAI (Hết)